TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN G** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 761/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26-6-2025
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thành Viên

Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 604/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 293/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị H, sinh năm 1992; địa chỉ: Số A đường số B, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Trần Hữu Hồng S, sinh năm 1994; địa chỉ thường trú: Số D đường Quang T, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Hiện tạm giam tại Trại tạm giam Chí Hòa – Phân trại tạm giam khu vực G. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 05 tháng 5 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Bà và ông Trần Hữu Hồng S tự nguyện đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân Phường E, quận G cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/4/2021. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, ông S không có trách nhiệm với gia đình, nghiện ma túy, bà đã khuyên can nhiều lần nhung ông S không bỏ. Bà yêu cầu được ly hôn với ông S.

Về con chung: Bà và ông S có 02 con chung tên Trần Huy K, sinh ngày 02/5/2019 và Trần Minh H, sinh ngày 10/9/2021. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không có.

Bị đơn ông Trần Hữu Hồng S trình bày:

Ông đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của bà H. Ông đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông đồng ý để bà H nuôi dưỡng cả 02 con chung tên Trần Huy K, sinh ngày 02/5/2019 và Trần Minh H, sinh ngày 10/9/2021. Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ông S hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Chí Hòa – Phân trại tạm giam khu vực G và có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên vụ án không tiến hành hòa giải và được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà H vắng mặt, có đơn yêu cầu vắng mặt.

Bị đơn ông S vắng mặt, có đơn yêu cầu vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà H nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn với ông S, ông S có địa chỉ thường trú tại quận G nên đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà H và bị đơn ông S vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu các đương sự:

[2.1] Căn cứ Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi vấn đề đương sự có yêu cầu, những vấn đề liên quan đến vụ án đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.2] Bà H yêu cầu được ly hôn với ông S, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà H và ông S chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 14/4/2021 do Ủy ban nhân dân Phường E, quận G cấp nên hôn nhân của Bà H và ông S là hôn nhân hợp pháp.

Bà H trình bày quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, ông S không có trách nhiệm với gia đình, ông S là người nghiện ma túy. Ông S trình bày, ông đồng ý ly hôn với bà H. Như vậy, bà H yêu cầu ly hôn với ông S là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 14/4/2021 do Ủy ban nhân dân Phường E, quận G cấp không còn giá trị pháp lý.

[2.3] Về con chung: Bà H và ông S có 02 con chung tên Trần Huy K, sinh ngày 02/5/2019 và Trần Minh H, sinh ngày 10/9/2021.

Bà H yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con, ông S trình bày ông đồng ý để bà H nuôi dưỡng 02 con nên yêu cầu của bà H có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Bà H không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Ông S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung: Bà H và ông S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Bà H chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được cấn trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0062025 ngày 19/5/2025 của Chi cục Thi hành án đân sự quận G. Bà H đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 5, Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 175, Điều 177, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Luật phí và lệ phí năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Luật Thi hành án dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H được ly hôn với ông Trần Hữu Hồng S.

Giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 14/4/2021 do Ủy ban nhân dân Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Bà Phạm Thị H và ông Trần Hữu Hồng S có 02 con chung tên Trần Huy K, sinh ngày 02/5/2019 và Trần Minh H, sinh ngày 10/9/2021.

Bà Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung.

Ông Trần Hữu Hồng S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Hữu Hồng S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị H chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được cấn trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0062025 ngày 19/5/2025 của Chi cục Thi hành án đân sự quận G. Bà Phạm Thị H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận G;
- Chi cục THADS quận G;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hồng Cúc

HỘI THẨM NHÂN DÂN	HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
		Trần Thị Hồng Cúc